

Số: 191/CV-CCCL-KHKD

Vũng Tàu, ngày 02 tháng 10 năm 2025

V/v: đăng tải giá cho thuê MBNX năm 2026
lên trang web Công ty

Kính gửi: Công ty TNHH MTV DVKT Hải sản Biển Đông

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;
- Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2026 của Chi nhánh Công ty TNHH MTV DVKT Hải sản Biển Đông – Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu;

Chi nhánh Cảng Cá Cát Lở Vũng Tàu đã làm thủ tục đăng tải giá cho thuê tài sản công (mặt bằng nhà xưởng) trực tiếp năm 2026 lên trang thông tin điện tử taisancong.com.

Nay kính đề nghị Công ty TNHH MTV DVKT Hải sản Biển Đông hỗ trợ Cảng đăng tải giá cho thuê mặt bằng nhà xưởng trực tiếp năm 2026 tại Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu lên trang thông tin điện tử của Công ty, cụ thể như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

- Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT và các loại phí có liên quan khi hoạt động tại Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu.
 - Ưu tiên cho các đối tác thuê hoạt động trong ngành thủy sản để góp phần phát triển cộng đồng nghề cá Việt Nam.
 - Thời điểm áp dụng giá trên: 01/01/2026 đến 31/12/2026.
 - Thông tin liên lạc: Cảng Cá Cát Lở Vũng Tàu
- Điện thoại: 0254.3848655; Email: cangcatlo@yahoo.com
Địa chỉ: 1007/34 Đường 30/4 Phường 11, Thành phố Vũng Tàu

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Đăng tải tại taisancong.vn;
- Các PGĐ, phòng ban CN;
- Lưu: VT, KHKD.



Trần Quang Hưng



Công ty TNHH MTV DVKT HSBD
CÔNG TY TNHH MTV DVKT HSBD -
CẢNG CÁ CÁT LỞ VŨNG TÀU

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ CHO THUÊ MẶT BẰNG, NHÀ XƯỞNG
TẠI CẢNG CÁ CÁT LỞ VŨNG TÀU NĂM 2026

(Đính kèm thông báo số 191/TB-CCCL-KHKD ngày 01/10/2025)

Stt	MBNX CHO THUÊ NĂM 2026	VỊ TRÍ MẶT BẰNG	DT (m2)	Đvt	Giá cho thuê Đ/tháng (MB+NX)	Đồng/m2/tháng	Đồng/m2/năm	Ghi chú
I	CHỢ CÁ ODA	KHU ODA						
1	Mặt bằng chợ cá ODA	10 ô	280	đồng/ô	10.000.000	35.714	428.571	x 10 ô chợ
2	Nhà kho (ô bia chợ)	2/3 ô bia	221	đồng	5.000.000	22.624	271.493	
3	Văn phòng (ô bia chợ)	ô bia	22,5	đồng	2.000.000	88.889	1.066.667	
II	LÂU CHỢ CÁ ODA	KHU ODA						
1	Phòng trống trên lầu chợ (phía ngoài)	phía Đông	90	đồng	4.500.000	50.000	600.000	
2	Văn phòng trên lầu chợ	phía Tây	34,8	đồng/phòng	3.000.000	86.207	1.034.483	x 5 phòng
III	MẶT BẰNG, KI-ỐT, KHO	KHU ODA						
1	Ki ốt Café (phía trong cùng, có sân)	công cảng	37	đồng/ki ốt	6.600.000	178.378	2.140.541	
2	Ki ốt hút tóc (ngoài cùng, không có sân)	công cảng	37	đồng/ki ốt	4.125.000	111.486	1.337.838	
3	Ki ốt Café (ở giữa, không có sân)	công cảng	37	đồng/ki ốt	4.125.000	111.486	1.337.838	
4	Nhà kho XCK Vị trí 1	kê kho ODA	73,5	đồng	3.630.000	49.388	592.653	
5	Nhà kho XCK Vị trí 2	kho ODA	60,0	đồng	4.500.000	75.000	900.000	
6	VP/nhà kho cũ cầu cảng 50m	(cầu 50m)	28	đồng	2.000.000	71.429	857.143	x 3 phòng
7	Mặt bằng trống cầu cảng 50m	(cầu 50m)	50	đồng	3.000.000	60.000	720.000	
8	Mặt bằng bờ kè (khách tự xây)	(cầu 50m)	36,0	đồng	1.650.000	45.833	550.000	
9	Bãi giữ xe trống, có mái che	công cảng	270	đồng	6.600.000	24.444	293.333	
10	Nhà kho cũ sau VP	sau HCVP	78	đồng	6.600.000	84.615	1.015.385	
IV	NHÀ XƯỞNG TIỀN CHẾ							
1	Nhà tiền chế tại Lô số 6	Khu 3HA	783	đồng	33.000.000	42.146	505.747	
2	½ Nhà tiền chế tại Lô số 9	Khu 3HA	600	đồng	25.200.000	42.000	504.000	
3	Nhà tiền chế tại Lô số 5	Khu 3HA	600	đồng	25.200.000	42.000	504.000	
4	Nhà tiền chế tại Lô số 8	Khu 3HA	600	đồng	25.200.000	42.000	504.000	
5	Nhà nát tiền chế tại Lô số 7+mặt bằng trống, mái/nền/tường đã hỏng, khách tự sửa chữa	Khu 3HA	801	đồng	26.800.000	33.458	401.498	
6	Văn phòng Khu HCVP	Khu ODA	32	đồng	3.000.000	93.750	1.125.000	x 4 phòng
V	CHỢ CÁ SỐ 2							
	Mặt bằng chợ cá số 2 khu 3HA	Khu 3HA	252	đồng	8.250.000	32.738	392.857	x 9 ô
VI	KI-ỐT, MẶT BẰNG							
1	Lô 11	Khu 3HA						
-	Ki ốt nhỏ (đã cũ >10 năm)	Khu 3HA	36	đồng	4.125.000	114.583	1.375.000	x 2 ki-ốt
-	Ki ốt lớn (đã cũ >20 năm)	Khu 3HA	54	đồng	4.125.000	76.389	916.667	x 7 ki-ốt
-	Ki ốt nhỏ (đã cũ >20 năm)	Khu 3HA	31,5	đồng	2.400.000	76.190	914.286	
-	Kho nhỏ	Khu 3HA	55	đồng	4.000.000	72.727	872.727	
-	Kho lớn	Khu 3HA	110	đồng	6.300.000	57.273	687.273	
2	Dãy Ki-ốt kê Lô 7	Khu 3HA		đồng				
-	3 ki-ốt liền kê	Khu 3HA	101	đồng	13.200.000	130.693	1.568.317	
-	Ki-ốt tiếp giáp đường nội bộ (kho)	Khu 3HA	65	đồng	9.900.000	152.308	1.827.692	
3	MB cầu cảng 70m tiếp giáp chợ	Khu 3HA		đồng				
-	Mặt bằng trống 1	Khu 3HA	182	đồng	8.400.000	46.154	553.846	
-	Mặt bằng trống 2 (DV giải khát)	Khu 3HA	43	đồng	3.000.000	69.767	837.209	
-	Ki-ốt (kho)	Khu 3HA	45	đồng	3.750.000	83.333	1.000.000	
-	Ki-ốt (DV giải khát)	Khu 3HA	65	đồng	4.500.000	69.231	830.769	
4	Mặt bằng trống khu 3ha (12 ô có diện tích từ 40->450m2/ô)	Khu 3HA	2.405	đồng	39.682.500	16.500	198.000	
5	Nhà 42 căn	Khu 3HA	1.210	đồng	31.600.000	26.116	313.388	
-	Phòng nhỏ (dãy 10 phòng): 700.000 đồng/phòng/tháng							
-	Phòng lớn (dãy 32 phòng): 800.000 đồng/phòng/tháng, 2 phòng dành cho CBCNV Cảng giá 300.000 đồng/phòng/tháng							
VII	BỒN DẦU	Khu ODA						
1	Bồn dầu 2 triệu lít	Khu ODA	916	đồng	50.000.000	54.585	655.022	
2	Bồn dầu 125m3	Khu ODA	137	đồng	16.500.000	120.438	1.445.255	